

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS - ST

Ngày: 17 - 12 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Biền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/ TLST- TCDS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-TCDS ngày 08 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn TH, sinh năm 1960; Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Xóm 15, xã Nghĩa Thái, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông TH, bà Ng là chị Đặng Thị Anh Thư, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp viên pháp lý tỉnh Nam Định.

+ *Bị đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Xóm 09, xã Nghĩa Thái, huyện N, tỉnh Nam Định.

Chị Phạm Thị K.A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 09, xã Nghĩa Thái, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt ông TH, bà Ng, chị Thư, vắng mặt bà T và chị K.A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay ông Phạm Văn TH và bà Lê Thị Ng và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông TH, bà Ng là chị Trần Thị Anh Thư trình bày: Ông TH, bà Ng và bà Ngô Thị T, chị Phạm Thị K.A không có quan hệ gì với nhau mà chỉ quen biết xã hội với nhau. Do tin tưởng nên ngày 17/8/2015 (tức ngày 04/7 âm lịch) ông TH, bà Ng có cho bà Ngô Thị T và chị Phạm Thị K.A vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với lãi suất là 1,2%/1 tháng hạn đến ngày 01/12/2015 thì trả. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận với nhau. Thỏa thuận xong ông TH, bà Ng đã giao 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà T và chị K.A. Từ khi vay đến nay bà T và chị K.A mới thanh toán cho vợ chồng bà được 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền lãi và chưa thanh toán một khoản tiền gốc nào. Đến hạn trả nợ theo giấy biên nhận vay tiền, bà T và chị K.A vẫn không thanh toán tiền gốc và tiền lãi. Mặc dù ông TH, bà Ng đã đòi nhiều lần nhưng bà T, chị K.A vẫn không trả. Sau đó, ông TH, bà Ng đã làm đơn đề nghị đến UBND xã Nghĩa Thái hòa giải, tại buổi hòa giải bà T và chị K.A đã xác nhận vay của vợ chồng bà 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và xin trả dần cả gốc và lãi vào năm 2019 đầy đủ nhưng đến nay, bà T, chị K.A vẫn chưa thanh toán cho ông TH, bà Ng một khoản tiền nào. Nay ông TH, bà Ng đề nghị với Tòa án nhân dân huyện N yêu cầu bà T và chị K.A phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc cho vợ chồng bà là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến tháng 02/2019 là 17.800.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng) còn tiền từ tháng 02/2019 về sau tính theo lãi suất 1,2% như đã thỏa thuận. Bà T và chị K.A mỗi người phải thanh toán một nửa số tiền gồm gốc và lãi. Tại phiên tòa ông TH bà Ng yêu cầu bà Ngô Thị T và chị Phạm Thị K.A phải Thanh toán tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính đến hết tháng 11 năm 2019 là 22.600.000 đồng

Về hình thức thanh toán nợ: Ông TH, bà Ng yêu cầu bà Ngô Thị T và chị Phạm Thị K.A phải thanh toán toàn bộ khoản nợ mà bà T chị K.A đã vay trong một lúc và không chấp nhận trả nợ theo hình thức nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị T, chị Phạm Thị K.A vắng mặt nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Lời khai của bà Ngô Thị T, chị K.A tại các buổi làm việc với tòa án trình bày: Bà T là mẹ đẻ của chị Phạm Thị K.A. Do điều kiện làm ăn kinh tế nên bà và chị K.A có vay của vợ chồng ông TH bà Ng số tiền là 100.000.000

đồng. Khi vay chị K.A là người lập giấy biên nhận. Nay vợ chồng ông TH, bà Ng yêu cầu bà phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho vợ chồng ông TH bà Ng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến tháng 02/2019 là 17.800.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng) còn tiền từ tháng 02/2019 về sau tính theo lãi suất 1,2% như đã thỏa thuận mỗi người phải thanh toán một nửa số tiền gốc và lãi. Bà T và chị K.A xác nhận còn nợ số tiền gốc và lãi như ông TH bà Ng yêu cầu là đúng.

Về hình thức thanh toán nợ: Bà T và chị K.A xin trả dần số tiền gốc và lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi hết số tiền gốc và lãi.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các điều 429; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử chấp nhận yêu cầu của bà ông TH, bà Ng buộc bà Ngô Thị T chị Phạm Thị K.A phải thanh toán cho ông TH bà Ng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 22.600.000 đồng. Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Trên cơ sở mối quan hệ quen biết tin tưởng nhau nên vợ chồng ông Phạm Văn TH bà Lê Thị Ng đã cho bà Ngô thị T chị Phạm Thị K.A vay 100.000.000 đồng. Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng ông TH, bà Ng có hợp đồng vay tiền với bà T và chị K.A là sự việc có thật. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện N theo Điều 26 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng vay giữa vợ chồng ông TH bà Ng và bà T, chị K.A là hợp đồng có thời hạn vì hai bên có thỏa thuận thời hạn thanh toán. Đến hạn, bà T và chị K.A chưa thanh toán số tiền gốc và lãi cho vợ chồng ông TH, bà Ng. Bà T và chị K.A thừa nhận hiện chị còn vay của ông TH bà Ng 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến tháng 02/2019 và số tiền lãi là 17.800.000 đồng.

Phía chị K.A xác định tại biên bản thỏa thuận tại UBND xã Nghĩa Thái thì giữa chị và vợ chồng ông TH bà Ng đã xác nhận đến hết năm 2019 thì trả hết số tiền

vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nay chưa đến hạn trả nợ nên chị chưa nhất trí và bà T xin trả dần số tiền gốc và lãi cùng chị K.A mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Phía ông TH bà Ng không nhất trí và yêu cầu chị K.A và bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay. Do đó, có đủ cơ sở buộc bà Ngô Thị T và chị Phạm Thị K.A phải thanh toán cho vợ chồng ông TH, bà Ng số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng,

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đã thống nhất được số tiền lãi tính đến tháng 17.800.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng) còn tiền từ tháng 02/2019 về sau tính theo lãi suất 1,2% như đã thỏa thuận. Thấy việc thảo thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông TH bà Ng yêu cầu bà Ngô Thị T và chị Phạm Thị K.A phải Thanh toán tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính đến hết tháng 11 năm 2019 là 22.600.000 đồng là phù hợp pháp luật đúng theo thỏa thuận của hợp đồng nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị K.A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 291, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn TH và bà Lê Thị Ng đối với bà Ngô Thị T và chị Phạm Thị K.A.

2. Buộc bà Ngô Thị T và chị Phạm Thị K.A phải trả cho ông Phạm Văn TH, bà Lê Thị Ng số nợ gốc đã vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết tháng 11/2019 là 22.600.000 (hai mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông TH, bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T và chị K.A chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

3.Về án phí: Buộc chị Phạm Thị K.A phải nộp án phí dân sự giá ngạch là 3.065.000 (Ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Án xử công khai, có mặt ông TH, bà Ng, chị Thư, vắng mặt bà T, chị K.A. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Nghĩa Thái;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Văn Biên